

# ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG

## QUYỂN 16 (Phần Đầu)

### TỊNH PHÁP TỰ TRỌNG NHÂN PHÁP

- Quyển này có bốn môn:

- 1- Nghĩa mười sáu đặc thắng.
- 2- Nghĩa mười tám pháp bất cộng của Bồ tát.
- 3- Nghĩa hai mươi đức của Pháp sư.
- 4- Nghĩa ba mươi bảy đạo phẩm.

### 1. NGHĨA MƯỜI SÁU ĐẶC THẮNG

Chia làm bảy môn:

- 1- Giải thích tên, nói về tướng.
- 2- Phân biệt theo bốn niệm.
- 3- Sở cầu thành tựu khác nhau.
- 4- Phân biệt theo giai vị.
- 5- Phân biệt theo thiền.
- 6- Phân biệt theo người.
- 7- Phân biệt theo nghĩa.

#### *1. Giải thích tên nói về tướng:*

Mười sáu Đặc thắng như trong Luận Thành Thật (quyển 18) nói.  
Trong Luận Tỳ-bà-sa cũng có phân biệt rộng.

Đặc thắng: Quán này thù thắng hơn pháp Quán bất tịnh nên gọi là Đặc thắng.

Tướng thắng thế nào?

Có tám loại:

Phá hoại thắng: Quán môn Bất tịnh chỉ phá tham dục, quán này có thể phá tất cả phiền não. Vì sao? Tất cả phiền não do ác giác mà sinh, niệm hơi thở ra vào trừ niệm ác giác, ác giác dứt nên phiền não không khởi, nên phá tất cả.

Dứt kiết thắng: Quán bất tịnh kia chỉ có thể hàng phục kiết. Mười sáu Đặc thắng vừa hàng phục, vừa dứt hẳn kiết.

Khoan quảng thắng: Quán bất tịnh kia chỉ quán Sắc pháp cho là Bất tịnh. Đặc thắng quán cả các pháp Sắc tâm.

Vi tế thắng: Quán Bất tịnh kia chỉ quán xương v.v... Đặc thắng có thể quán vô thường, dứt lia, diệt v.v...

Vững chắc thắng: Quán bất tịnh kia duyên thân người khác mà khởi, được mà dễ mất. Mười sáu đặc thắng duyên tự thân mà khởi, được mà khó mất.

Điều đình thắng: Như Luận Thành Thật (quyển 18) nói: Quán bất tịnh kia chưa lia dứt được, đã tự chán ghét, như bà lão kia tìm Tỳ-kheo bên sông, do quán bất tịnh, uống thuốc độc, nhảy xuống vực, tìm dao để tự Sát. Như thuốc tăng quá trở lại thành bệnh. Đặc thắng thì không như thế, có thể phá tham dục mà không sinh chán.

Sở sinh thắng: Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Quán bất tịnh kia làm tăng thêm tướng của chúng sinh, vì quán Sát các thứ xương Nam, Nữ v.v... là bất tịnh. Mười sáu đặc thắng tăng trưởng pháp tướng, vì là căn bản của Tam-muội không.

Sở dị thắng: Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Quán bất tịnh kia chung với ngoại đạo, mười sáu đặc thắng chẳng chung với ngoại đạo.

Vì đủ tám nghĩa này nên gọi là Đặc thắng. Danh nghĩa như thế.

Đặc thắng khác nhau, chia làm mười sáu, mười sáu đặc thắng là:

Niệm hơi thở ra vào, hoặc dài, hoặc ngắn, thở khắp thân, trừ thân hành là bốn loại đầu v.v...

Niệm hơi thở ra vào biết vui, biết mừng, biết tâm hành, trừ tâm hành lại thành bốn. Cộng với trước thành tám.

Niệm hơi thở ra vào biết tâm, khiến tâm vui, khiến tâm nhiếp, khiến tâm giải thoát, lại thành bốn. Chung với trước là mười hai.

Niệm hơi thở ra vào quán Sát Vô thường, Đoạn, Lià, Diệt v.v... lại là bốn, chung với trước là mười sáu.

Danh tự như thế.

Tướng trạng thế nào?

Hơi thở ngắn: Như người lên núi gánh nặng, hơi thở mệt nhọc thì ngắn. Hành giả cũng vậy. Ở tâm thô, hơi thở ngắn. Tâm thô là sao? Nghĩa là tâm vội vã tán loạn.

Hơi thở dài: Như người định chỉ, hơi thở nhỏ nhiệm, lúc tế nhỏ nhiệm thì dài. Hành giả như thế, tâm tế thì hơi thở tế; tế thì dài.

Thở khắp thân: Hành giả tin hiểu thân mình rỗng, rung thấy các lỗ

chân lông gió đi vào đi ra gọi là thở khắp thân.

Trừ thân hành: Hành giả buộc niệm trụ ở cảnh giới hơi thở, được năng lực cảnh giới thì tâm sẽ an tĩnh. Tâm an tĩnh nên hơi thở thô sẽ diệt, gọi là trừ thân hành.

Hỏi: Hơi thở dài, ngắn, có không, là do thân hay do tâm?

Đáp: Do cả hai. Như người lúc mới nhập thai và người ở Tứ không (định) thì không có hơi thở. Biết rõ do thân, ở Đệ Tứ thiền và định Diệt tận thì không có hơi thở, biết rõ là do tâm.

Hỏi: Hơi thở không do niệm sinh, Như người tâm nghĩ việc khác mà hơi thở thường ra vào, vì sao nói là do tâm sinh?

Đáp: Hơi thở này tuy không do suy nghĩ mà sinh, nhưng do các duyên hòa hợp mà khởi. Có tâm thì có, không tâm thì không, tâm thô hơi ngắn, tâm tế hơi dài, nên nói do tâm.

Lại hỏi: Hơi thở này do giai vị mà có hay do tâm có?

Đáp: Do cả hai. Nên luận giải thích rằng do địa, do tâm. Tam thiền trở xuống là có tức địa (hơi thở), vì sao đều do? Có người thân ở hơi thở ra vào (địa) mà không có tâm, Tam thiền trở xuống thì không có hơi thở, nên biết do tâm. Tuy là có tâm mà thân không ở hơi thở ra vào (địa); bấy giờ cũng không, nên biết do địa. Cần phải thân ở tại hơi thở ra vào và lại có tâm hơi thở ra vào; bấy giờ mới có, nên biết do cả hai.

Hỏi: Hơi thở ra từ chỗ nào sinh, đến chỗ nào diệt? Hơi thở vào lại từ chỗ nào sinh, đến chỗ nào diệt?

Đáp: Hơi thở ra từ rốn sinh ra, ra ngoài liền diệt. Hơi thở vào ở ngoài thân vào, vào thân liền diệt. Tuy tâm thô, tế mà gần xa không nhất định.

Hỏi: Trong hơi thở ra vào kia, hơi thở nào có trước nhất, hơi thở nào sau cùng?

Đáp: Theo Luận Thành Thật (quyển 18), lúc chúng sinh sinh thì hơi thở ra trước tiên. Lúc chúng sinh chết thì hơi thở vào sau cùng. Xuất Tứ Thiền giống như lúc sinh. Nhập Tứ Thiền giống như lúc chết. Tỳ-đàm (Tạp Tâm quyển 8, thượng) nói lúc sinh và chết giống như Luận Thành Thật. Xuất và nhập Tứ thiền thì ngược với kia. Tương trạng thế nào? Như Luận Tỳ-đàm nói: Thở ra lúc mới nhập định, thở vào lúc mới xuất định. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra sau cùng. Xuất Tứ thiền, hơi thở vào đầu tiên. Nên ngược với kia.

Trong bốn loại thứ hai:

Giác hỉ (biết vui): Do bốn hành trên, tâm được định trụ. Theo pháp định này tâm sinh rất vui. Xưa tuy có tâm vui nhưng không thể như thế

cho nên gọi Giác hỉ.

Giác lạc (biết mừng): Do tâm trước hỉ, thân được điều thích (thoải mái), Thân thoải mái liền được hơi thở nhẹ nhàng (ỷ tức). Hơi thở nhẹ nhàng cho nên vui. Như người mệt khổ được nghỉ thì an vui, nên gọi là Giác lạc. Nên kinh nói rằng: Vì tâm hỷ nên thân được nhẹ nhàng (ỷ tức) Vì thân khinh an thì được thọ vui.

Giác tâm hành: Luận nói: Từ hỉ sinh tâm tham gọi là Tâm hành. Thấy thọ có lỗi sinh tham này, gọi là Giác tâm hành.

Trừ tâm hành: Hành giả vì thấy từ hỉ sinh tham nên trừ thọ bỏ tham, tâm được an ổn, gọi là Trừ tâm hành. Bốn loại này xa theo phương tiện niệm hơi thở ra vào mà phát sinh, cho nên gọi là Niệm hơi thở ra vào.

Trong bốn loại thứ ba:

Giác tâm: Vì trừ tâm hành, thấy tâm vắng lặng nên gọi là Giác tâm.

Khiến tâm hỉ: Tâm này hoặc có lúc chìm lặng, phát tâm phần chán lên khiến vui, gọi là khiến tâm hỉ.

Khiến tâm nhiếp: Nếu tâm lại xao động, thì nhiếp lại cho trụ gọi là khiến tâm nhiếp.

Khiến tâm thoát: Nếu lìa hôn trầm, trạo cử thì tâm sẽ hoà hợp, xa lìa hai bên, gọi là Khiến tâm thoát. Ở đây cũng xa theo phương tiện niệm hơi thở ra vào mà phát sinh. Cho nên cũng gọi Niệm hơi thở ra vào.

Trong bốn loại thứ tư:

Vô thường hành: Do tâm vắng lặng, thấy pháp sinh diệt gọi là Vô thường hành.

Đoạn: Dùng vô thường hành, dứt các phiền não nên gọi là Đoạn hành.

Ly: Đối với pháp hữu vi đều sinh chán lìa nên gọi là Ly hành.

Diệt: Vì tâm chán lìa, được tất cả diệt nên gọi là Diệt hành.

Có chỗ lại nói: Quán năm ấm vô thường gọi là Vô thường hành. Quán Sát năm ấm không và vô ngã gọi là Đoạn hành. Quán năm ấm khổ sinh chán lìa gọi là Ly hành. Quán ấm không sinh, là pháp vắng lặng, nên gọi là Diệt hành.

Có chỗ lại nói: Quán thân vô thường gọi là Vô thường hành; dứt trừ vô minh gọi là Đoạn hành; xa lìa ái kiết gọi là Ly hành, chứng đắc pháp Niết-bàn vắng lặng gọi là Niết-bàn hành.

Có chỗ lại nói: Quán tâm, tâm pháp vô thường sinh diệt gọi là Vô thường hành. Dứt trừ pháp ái gọi là Đoạn hành. Lìa phiền não khác gọi

là Ly hành. Diệt luôn tất cả phiền não kiết gọi là Diệt hành.

Lại có chỗ nói: Quán pháp vô thường gọi là Vô thường hành. Dứt phiền não quá khứ gọi là Đoạn hành. Lìa phiền não vị lai gọi là Ly hành. Diệt phiền não hiện tại gọi là Diệt hành. Nghĩa đầu tiên trong năm nghĩa này như Luận Thành Thật giải thích. Bốn nghĩa sau như Luận Tỳ-bà-sa. Đây cũng xa theo phương tiện niệm hơi thở ra vào mà phát sinh, cho nên cũng gọi là Niệm hơi thở ra vào.

Tướng chia như thế.

### **2. Y cứ bốn niệm để chia mười sáu:**

Trong đây, bốn loại đầu là chánh niệm hơi thở, gọi là thân niệm quán, bốn loại kế là thọ niệm; bốn loại tiếp là tâm niệm và bốn loại sau là Pháp niệm.

Hỏi: Mười sáu Đặc thắng này là quán hạnh An-na-ban-na. An-na-ban-na thuộc về năm dừng tâm. Vì sao Thế Tôn nói là bốn niệm?

Đáp: Luận Tỳ-bà-sa nói: Dùng phương tiện của bốn niệm này nên gọi là Bốn niệm. Lại nữa, nghĩa bốn niệm thông suốt từ đầu đến cuối nên gọi là Bốn niệm. Đây cũng gọi là Bốn nhớ nghĩ về thân.

Hỏi: Nhớ thì duyên quá khứ, còn hơi thở để niệm thì ở hiện tại, làm sao gọi là Nhớ?

Luận Thành Thật giải thích rằng: Đây thật là trí phá giả danh, dùng tên nhớ để nói. Các tâm tâm pháp lại là tên.

### **3. Nói về chỗ thành tựu:**

Tu mười sáu loại này sẽ thành tựu năm hạnh, như Luận Thành Thật nói. Đó là Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Học hạnh và Vô học hạnh.

Quán hơi thở này niệm niệm sinh diệt, cho nên vô thường. Vô thường nên không. Không tức là Thánh hạnh. Lại như Luận giải thích, hơi thở gọi là Gió, gió đi trong chỗ rộng không; tướng rộng không lại mở đường cho tướng hoại. Tướng hoại tức không. Không tức là Thánh hạnh, hay sinh cõi Trời thanh tịnh, nên gọi là Thiên hạnh. Vì đến chỗ vắng lặng nên gọi Phạm hạnh, vì được hữu học nên gọi là Học hạnh, vì được vô học nên gọi là Vô học hạnh.

### **4. Để nói theo vị:**

Nói theo tướng chung: Mười sáu loại này gọi là An-na-ban-na quán hạnh. An-na-ban-na thuộc về năm dừng Tâm. Trong Luận Thành

Thật nói điều này gọi là Phẩm Xuất Nhập Tức. Trong Luận Tỳ-bà-sa cũng nói đây là Xuất Nhập Tức Quán. Lý thật thì hành giả quán mỗi pháp đều có thể đến quả Thánh vô học nên quán hơi thở từ đầu đến cuối không chỉ hạn cuộc ở địa vị năm dừng tâm. Nghĩa này thế nào? Nói theo thông tướng: Từ phàm đến quả Vô học, phần nhiều đều được có quán này. Trong đây chia ra: Bốn loại đầu khởi tại năm dừng tâm, thành tựu ở bốn niệm. Tám loại kế ở trong vị Niệm xứ. Bốn loại sau ở Noãn v.v... trở lên cho đến Vô học. Vị chia như thế.

### **5. Để nói theo thiền:**

Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Hơi thở ngắn Sơ thiền, hơi thở dài Nhị thiền, khắp thân Tam thiền, trừ thân Tứ thiền. Loại khác cũng như thế. Văn nói thẳng như thế, không phân biệt rộng. Theo nghĩa luận đủ thì: Bốn loại đầu như trên. Trong bốn loại thứ hai, Giác hỉ ở Sơ thiền, Nhị thiền, Giác lạc Tam thiền, Giác tâm và trừ tâm ở Tứ thiền. Trong bốn loại thứ ba, Khiến tâm hỉ ở tại Sơ thiền, Nhị thiền, Khiến tâm nhiếp ở tại Tam thiền, Khiến tâm định và Khiến tâm thoát ở Tứ thiền. Mới đầu gọi là Định, hoàn thành gọi là Thoát. Cũng có thể, Hữu lậu gọi là Định, Vô lậu gọi là Thoát. Bốn loại thứ tư đều khắp các thiền, y theo thiền như thế.

### **6. Để nói theo người:**

Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Ai có thể đầy đủ (mười sáu loại)? Chỉ có Phật, Như Lai. những người khác đều không đủ.

Có chỗ lại nói: La-hán, Bích-chi và Phật có thể đủ, ngoài ra không đủ.

### **7. Để phân biệt theo nghĩa:**

Trong đây lại dùng chín nghĩa để phân biệt:

Phân biệt mười trí: Nhiếp cuối theo đầu chỉ có Đẳng trí tánh. Nên Luận Tỳ-bà-sa nói chỉ một Đẳng trí.

Đầu đuôi nói riêng thì:

Mười hai loại đầu chỉ Đẳng trí tánh.

Vô thường hành đứ, sáu trí tánh là Đẳng trí và Khổ trí, hai Trí pháp và Tỷ, Tận, Vô sinh trí. Ở trước Kiến Đạo gọi là Đẳng trí. Kiến đạo trở lên gọi là Khổ trí. Quán dục vô thường gọi là Pháp trí. Quán vô thường trên gọi là Tỷ trí. Tại quả Vô học gọi là Tận, Vô sinh.

Nghĩa Đoạn, Ly và Diệt thì không nhất định. Nếu nói năng đoạn,

năng ly, năng diệt thì bảy trí tánh nghĩa là Đẳng trí, Khổ trí, Tập trí, Pháp trí, Tỷ trí, Tận, Vô sinh trí.

Thế tục dứt kiết là Đẳng trí.

Vô lậu dứt kiết là Khổ, Tập trí, vì chỗ duyên hơi thở là tánh của Khổ, Tập.

Duyên Cõi Dục đoạn gọi là Pháp trí.

Duyên cõi trên đoạn gọi là Tỷ trí.

Tại quả Vô học gọi là Tận, Vô sinh.

Nếu nói duyên đoạn, duyên ly, duyên diệt thì sáu trí tánh nghĩa là Đẳng trí và Diệt trí, Pháp trí, Tỷ trí, Tận, Vô sinh trí. Ở trước Kiến đạo gọi là Đẳng trí. Kiến đạo trở lên gọi là Diệt trí. Bốn trí kia rất dễ hiểu.

Để phân biệt theo căn: Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Chỉ có ý tương ứng.

Phân biệt Ba đời: Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Thế ba đời nhiếp, duyên với ba đời.

Phân biệt Ba tánh: Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Thế thuộc tánh chỉ có, chỗ duyên hơi thở chỉ là vô ký.

Phân biệt Ba cõi: Như Luận Tỳ-bà-sa nói là thuộc Cõi Dục và cõi Sắc. Chỗ duyên hơi thở cũng thuộc Cõi Dục và cõi Sắc.

Để phân biệt theo ba nghĩa Học, Vô học và Phi học Phi vô học: Nhiếp cuối theo đầu thì thế tánh chỉ là Phi học, Vô học. Chỗ duyên cũng vậy. Hơi thở không phải Học, Vô học. Nên nghĩa này như Luận Tỳ-bà-sa nói.

Đầu, cuối nói riêng thì mười hai loại đầu, thế tánh và duyên đầy đủ như đã nói ở trước. Bốn loại sau thuộc cả Học, Vô học và Phi học, Phi vô học. Đẳng trí năng đoạn là Phi học, Phi vô học. Vô lậu năng đoạn gọi là Học, Vô học.

Để phân biệt theo ba nghĩa Kiến đoạn, Tu đoạn, Vô đoạn: Nhiếp chung theo chỉ là Tu đoạn. Chỗ duyên hơi thở cũng là Tu đoạn. Nghĩa này như Luận Tỳ-bà-sa nói. Đầu, cuối nói riêng, mười hai loại đầu đủ như trước đã nói. Bốn loại sau chung cả Kiến đoạn, Tu đoạn và Vô đoạn. Chỗ duyên như trên chỉ Tu đoạn.

Để phân biệt theo danh duyên, nghĩa duyên để: Như Luận Tỳ-bà-sa nói, chỉ là nghĩa duyên, chẳng phải là danh duyên. Chỗ duyên hơi thở chẳng phải danh tự.

Phân biệt Tự - Tha: Như Luận Tỳ-bà-sa nói: Quán này duyên cả hơi thở mình, người, chẳng phải chỉ duyên theo mình.

Mười sáu Đặc thắng nói sơ như thế.

## 2. NGHĨA MƯỜI TÁM PHÁP BẤT CỘNG CỦA BỒ-TÁT

Nghĩa mười tám pháp bất cộng của Bồ-tát xuất xứ từ Kinh Phấn Tấn Vương Bồ-tát Vấn (quyển hạ). Hạnh đức của Bồ-tát vượt hơn Nhị thừa, khác với họ, nên nói là Bất cộng. Tùy khác nhau mà chia kỹ thì Bất cộng vô lượng. Nay theo một môn sẽ nói về mười tám. Mười tám pháp là:

Sáu độ là sáu.

Việc làm cao quý của ba nghiệp thân, miệng, ý là ba, cộng với trước là chín.

Chẳng nhân việc khác (tha) nên tự nhiên sẽ biết tất cả năm minh xứ v.v... của thế gian, chung với trước là mười.

Vì tâm đại bi, thường vì chúng sinh trị các bệnh một cách rộng lớn; sau trao cho Niết-bàn, chẳng vì lợi dưỡng là mười một.

Chẳng mong (làm) các vua Thích, Phạm thế gian mà thường thọ đủ là mười hai.

Ở chỗ buông lung nơi cõi nước tốt đẹp hay giáo hoá chúng sinh tu tập, cũng nhớ (nghĩ) là mười ba.

Bao nhiêu người ác ở chỗ Bồ-tát không thể làm hại; nếu thấy Bồ-tát, tâm sẽ thanh tịnh là mười bốn.

Có các chúng sinh chẳng tin Tam Bảo, nếu thấy Bồ-tát liền sinh lòng tin là mười lăm.

Trời, rồng, quỷ thần, người và phi nhân v.v... nếu thấy Bồ-tát liền nghĩ là thầy, lễ kính cúng dường là mười sáu.

Ở chỗ nào cũng được tôn làm Đạo sư, giáo hoá chúng sinh dứt ác, tu thiện, sinh cõi Trời, được giải thoát là mười bảy.

Tùy chỗ tu tập pháp Bồ-đề phần, đầy đủ thần thông, ma không được dịp làm hại là mười tám.

Mười tám loại này bắt đầu từ Bồ-tát, thành tựu viên mãn ở Phật. Nay theo chỗ khởi để nêu tên, gọi là Pháp bất cộng của Bồ-tát.

Pháp Bất cộng nói sơ như thế.

## 3. NGHĨA HAI MƯỜI ĐỨC CỦA PHÁP SƯ

Đức của Pháp sư xuất xứ từ Địa Kinh luận. Luận Địa Trì cũng có nói đầy đủ. Dem pháp đến gần gũi đời gọi là Pháp sư. Đức của Pháp sư khác nhau, sẽ nói hai mươi loại, hai mươi đức ấy là:

Địa Luận và Địa Trì gọi có khác nhau. Nay sẽ nêu theo Địa Luận:

1- Thời thuyết. 2- Chính ý. 3- Đốn thuyết. 4- Tương tục. 5- Tiệm. 6- Thứ. 7- Cú nghĩa tiệm thứ. 8- Lạc (thị). 9- Hỉ. 10- Khuyến. 11- Cù

đức. 12- Bất hủy. 13- Bất loạn. 14- Như pháp. 15- Tùy chúng. 16- Từ tâm. 17- An tâm. 18- Tâm thương xót an vui. 19- Không khen mình chê người. 20- Không mê đắm danh lợi.

Mười lăm loại đầu gọi là Tùy thuận thuyết: Ngoài thuận nói nghĩa.

Năm loại sau gọi là Thanh tịnh Thuyết: Trong tâm không lỗi.

Trong mười lăm loại trước dùng ba môn để nói:

Dùng Địa Luận đối với Địa Trì để nói về đồng, khác.

Chia định Tùy nghĩa.

Giải thích Y danh.

Đồng, khác thế nào?

Trong mười lăm loại này, bốn môn là đồng, mười một môn là khác, khác thế nào?

Bốn môn của Địa Trì, Địa Luận chia thành tám:

Thời thuyết đầu tiên, Địa Luận chia thành hai: Thời và Chính ý.

Môn thứ sáu của Địa Trì gọi là Hoan hỉ, Địa Luận chia hai thành Tiệm và Thứ.

Môn thứ tám, Địa Trì gọi là Hỉ, Địa Luận chia hai thành Lạc và Hỉ.

Môn thứ chín, Địa Trì gọi là khuyến, Địa Luận chia thành hai là Khuyến và Cụ đức.

Trong Địa Kinh luận có ba môn, Địa Trì thành bảy:

Môn thứ ba trong Địa Kinh luận gọi là Đốn thuyết, Địa Trì chia hai gọi là Nhất thiết thuyết (thuyết tất cả), Bất vi pháp san (không san lộn pháp).

Môn thứ tư trong Địa Kinh luận là Tương Tục thuyết, Địa Trì chia hai thành Vô gián thuyết, và Bất tác sự quyện (Thuyết không ngừng, không làm sự mỗi một)

Môn thứ mười ba trong Địa Kinh luận có một tên là Bất loạn thuyết, Địa Trì chia ba gọi là Bất Loạn thuyết, Văn tự đầy đủ, Bất trừ ẩn thuyết. (không thuyết bậy, văn tự đầy đủ, không nói mập mờ).

Bốn loại còn lại tương tự. Theo bốn loại này, Cú nghĩa tiệm thứ trong Luận Địa Trì gọi là Dục bất hủy. Như pháp và Tùy chúng, danh nghĩa đều đồng. Gốc lẽ ra đều đồng, vì người dịch khác nhau nên như thế.

Nghĩa Đồng như vậy.

Tùy nghĩa chia: Mười lăm loại này vì nghĩa theo nhau xếp thành bảy.

Đầu tiên có hai môn hợp thành thứ nhất, tùy chỗ thích hợp của

người. Trong đó, Thời thuyết tùy hợp tâm người: Muốn nhận thì nói, không muốn thì thôi. Một loại Chính ý tùy hình thức thích hợp của người: Cung kính nghiêm túc thì vì họ nói, ngã mạn cống cao thì thôi.

Kế có hai môn, hợp thành thứ hai, tùy chỗ thích hợp của mình. Trong đó, Đốn thuyết để nói mình không lận tiếc. Một loại Tương tục để nói mình không lười biếng.

Kế có ba môn hợp thành thứ ba, tùy chỗ thích hợp của pháp. Trong đó, Tiệm thuyết nói thuận theo giáo pháp, kế thuận nghĩa pháp. Cú nghĩa tiệm thứ cũng có thể là câu này thuận với hành pháp.

Kế có ba môn, hợp thành thứ tư. Lập lại tỏ rõ theo chỗ thích nghi của người, có khác với trước gì mà lại lập lại?

Phần đầu ở trên tùy tâm hiện tại của người nghe pháp thích hợp và hình thức thích hợp. Còn môn này tùy theo căn tánh người có thích hợp hay không. Người căn lớn truyền lớn, căn nhỏ truyền nhỏ. Tất cả như thế.

Kế có một môn làm thứ năm, lập lại tỏ rõ theo chỗ thích nghi của mình, có gì khác với trước? Phần thứ hai trước, nói lên mình có tâm không bồn xển, không lười biếng. Đây nói lên đức của lời nói, có trí thì nói, không trí thì thôi.

Kế có ba môn hợp thành thứ sáu, lập lại nói lên tùy chỗ thích hợp của pháp, khác gì với trước? Phần thứ ba trước, tùy thứ lớp pháp. Đây thuận theo pháp thể. Trong đó, Bất hủy là thuận đạo xuất thế, Bất loạn là thuận lý, cũng thuận giáo pháp Như pháp thuận với pháp tướng bốn Đế.

Một môn cuối cùng là thứ bảy: Năng thuận chúng.

Nghĩa chia như thế.

- Giải thích danh nghĩa:

Nói đúng lúc: Quán các chúng sinh có tâm ưa nghe. Lúc không có những chướng nạn ưu, não v.v... vì họ giảng nói nên gọi là Thời thuyết.

Chính ý: Bồ-tát chính ý quán các chúng sinh trụ ở oai nghi cầu pháp cung kính, sau đó vì họ thuyết. Như trong giới Kinh mình đứng, người ngồi không nên thuyết v.v... Gọi là chính ý.

Hai loại này Địa Trì hợp lại gọi là Thời thuyết.

Nói ngay: Vì tất cả chúng, nói tất cả pháp, tâm không bồn xển, gọi là Đốn thuyết. Vì tất cả chúng là đối với người mau chóng nói tất cả pháp là đối với pháp mau chóng. Tâm không bồn xển là nội tâm mau chóng (đốn). Trong Luận Địa Trì chia riêng không bồn xển làm một

môn không bồn sển pháp.

Nói liên tục: Nói không ngừng nghỉ, bỏ ý ganh ghét trong các pháp gọi là Tương Tục Thuyết. Nói không ngừng nghỉ biểu lộ nói tương tục, bỏ ý ganh ghét, là tỏ rõ tâm nối tiếp. Trong Luận Địa Trì chia Ý không ganh ghét riêng làm một môn không làm thầy mỗi một.

Nói dần dần: Nương giáo nói dần dần. Nên luận giải thích rằng: Nương Chữ, Câu, Nghĩa dần dần nói.

Nói theo thứ lớp: Nương Nghĩa thứ lớp nói: Nói Khổ đến Tập, nói Diệt đến Đạo, tất cả như thế. Nên Luận giải thích rằng: Như Chữ, Câu thứ lớp, Nghĩa cũng như vậy. Tiệm và Thứ này, trong Địa Trì hợp thành một môn, gọi là Hoan hỉ. Thứ lớp giảng nói để có thể nhớ ghi gìn giữ, nên khiến cho người vui (hỉ).

- Câu nghĩa dần dần có thứ lớp: Luận Gia Giải thích rằng nói pháp nghĩa đồng, không nói nghĩa khác. Tương này thế nào?

Trong giáo và nghĩa ở trước, cạn thì cùng cạn, sâu thì cùng sâu, chẳng rời giảng nói gọi là nói nghĩa đồng. Như trong Khổ đế giảng nói Hữu tác. Trong Tập, Diệt, Đạo cũng nói Hữu tác. Trong Khổ đế nói Vô tác, trong Tập, Diệt, Đạo cũng nói Vô tác. Như thế tất cả gọi là nói đồng nghĩa. Đây trong Địa Trì gọi là Dục. Biện luận hành pháp khiến người ưa hành nên gọi là Dục.

Dạy: Luận nói dạy chỗ đáng dạy, chúng sinh căn nhỏ nên dạy pháp nhỏ, chúng sinh căn lớn nên dạy pháp lớn. tất cả như thế gọi là dạy chỗ đáng dạy. Đây là theo giáo pháp.

Mừng: Luận nói mừng chỗ đáng mừng. Tùy căn khác nhau, vì họ nói nghĩa, khiến tâm họ vui điều đáng vui. Đây là theo nghĩa pháp.

Dạy và Mừng này, trong Luận Địa Trì hợp thành một môn gọi thẳng là Mừng. Trong đó, giải thích đủ thì có bốn câu:

Thị ứng thị (dạy điều đáng dạy)

Thọ ứng thọ (trao việc đáng trao)

Chiếu ứng chiếu (soi chỗ đáng soi)

Hỉ ứng hỉ (mừng điều đáng mừng).

Dạy và Trao theo giáo: Nên chung gọi là Dạy, chính trao cho gọi là Trao.

Soi và Mừng theo Nghĩa: Nên chung cho biết là chiếu; xứng cơ dạy riêng khiến họ vui mừng gọi là “Mừng”.

Bốn loại này đều thích hợp căn cơ của người nên cùng nói là ứng.

Khuyên: Luận nói Chúng sinh yếu hèn, khuyên khiến mãnh mẽ

nên gọi là Khuyển. Nghĩa này Địa Trì ẩn đi không nêu.

Cụ đức: Luận nói Nương vào Hiện trí, Tỉ trí và Trí A-hàm chứng được, người nói gọi là Cụ đức. Hiện trí là Trí hiện lượng, Tỉ trí là Trí tỉ lượng, đây là biết pháp tướng. A-hàm là Giáo lượng trí, đây biết giáo pháp, ba loại này như trong chương Ba lượng ở trước đã phân biệt rộng. Chứng là Chứng trí, đây biết lý pháp. Đủ đây mới gọi là Cụ đức. Trong Luận Luận Địa Trì nói đây là Khuyển.

1. Bất hỷ: Địa luận giải thích rằng: Thuận theo thiện đạo mà nói. Địa Trì giải thích: Thuận hướng nẻo lành, đây gọi là Xuất đạo (đạo xuất thế) vì là nẻo lành. Hễ có nói năng đều thuận theo Xuất đạo, gọi là Hướng nẻo lành.

2. Không loạn: Luận tự giải thích: Là hạnh bất động, bất tạp, chính nhập, không như rừng rậm rạp cây mọc không có hàng lối gọi Bất loạn. Bất động là lia lối cạn cợt. Lời thiếu cận làm sai mất lý của pháp nên là động. Bất tạp là lia lối sâu, bất tạp trừ sự ẩn giấu nên gọi là Bất tạp. Chính nhập là nói lên chỗ bất động ở trước. Nói chính thuận lý nên gọi là chính nhập. Không phải như rừng cây rậm rạp là hiển bất tạp trước. Phật pháp tuy sâu mà khai thị khiến trẻ nhỏ nông cạn cũng hiểu; lia sự che giấu sâu kín gọi là không phải như rừng cây rậm rạp không thấy được gì.

Luận Địa Trì chia đây làm ba:

Bất Loạn: Cũng gọi là Ứng, lời thuận lý pháp, tương ứng với lý.

Văn tự đầy đủ: Bên cũng gọi là Thiện thuyết, lời thuận với giáo pháp.

Bất thâm ẩn: Cũng gọi là Bất tạp. Lời thuận với cách thức giáo hóa, không xen lẫn.

Như pháp: Thuận bốn chân đế. Hễ có bàn luận gì đều ứng hợp với Bốn chân đế, khiến người nương vào đó trừ khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo.

- Tùy chúng: Luận nói: Thuận theo bốn chúng, tám bộ vì họ mà nói pháp. Ở trong Tỳ kheo, nói pháp Tỳ Kheo. Ở trong Ni Chúng, vì họ nói pháp của ni. Tất cả đều như thế.

Mười lăm loại trước này gọi là thuận theo nói.

Theo năm loại Thanh tịnh nói sau, nếu nương bốn vô lượng vì người nói pháp gọi là Thanh tịnh nói: Loại đầu là Từ, hai loại kế là Bi, một loại tiếp theo là Hỷ, loại sau cùng là Xả.

- Đối với chúng sinh oán hận thì sinh Từ tâm mà nói: Chỗ oán thì nhiều sân nên phải dùng lòng từ mà nói.

- Đối với chúng sinh ác, khiến sinh lòng An tâm mà nói: Chúng sinh làm hạnh ác có sự nguy hiểm sợ hãi, trao điều lành khiến họ an gọi là vì An tâm mà nói.

- Chúng sinh khổ, chúng sinh ưa buông lung, ưa biếng nhác nghèo cùng sinh tâm thương xót, an vui mà nói: Trái duyên bức não gọi là chúng sinh khổ, được vui tự buông lung gọi là thích buông lung. Thuận duyên không đầy đủ gọi là chúng sinh nghèo. Đối với ba hạng người này cùng khởi hai tâm. Đối với nghèo khổ thì thương xót cái khổ hiện tại Đối với chúng sinh ưa buông lung thì thương cái khổ sẽ chịu. Cho nên khởi cả tâm thương xót mà nói. Đối với chúng sinh khổ muốn cho được cái vui đối trị khổ. Người ưa buông lung muốn cho lìa tội, được cái vui không lỗi lầm. Đối với người nghèo khó muốn cho được cái vui đầy đủ, cho nên khởi chung tâm thương xót mà nói.

- Chẳng bị ganh ghét ràng buộc: khen mình chê người, dùng tâm vui mừng mà nói.

- Chẳng dính mắc danh lợi, dùng tâm xả mà nói. Nếu theo địa Trì, thì trước Xả, sau Hỷ.

Năm loại này là nói do Tâm thanh tịnh. Đức của Pháp sư nói sơ như thế.

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG  
QUYỂN 16 (Phần Đầu)